NÂNG CAO VAI TRÒ KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

ENHANCING ECONOMIC ROLE OF THE STATE IN THE SOCIALIST -ORIENTED MARKET ECONOMY IN VIETNAM

Huỳnh Văn Hồng[1]
Nguyễn Thị Mai[2]

Tóm tắt

Thông qua phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu phân tích vai trò của kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy lượng vốn đầu tư vào khu vực này tăng mạnh trong giai đoạn 2012 – 2013 (chiếm trên 42%). Tuy nhiên, giá trị đóng góp vào GDP còn thấp, giá trị sản xuất công nghiệp tăng theo thời gian, nhưng tỷ trọng ngày càng giảm dần. Vai trò của khu vực kinh tế Nhà nước trong thương mại nội địa không lớn, nhưng theo xu hướng tái cơ cấu rất đáng khích lệ. Lao động làm việc trong khu vực này chỉ chiếm khoảng 10%. Do đó, nghiên cứu đề xuất 6 nhóm giải pháp chiến lược, trong đó tập trung vốn đầu tư vào những ngành, những lĩnh vực trọng yếu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và thành lập tổng công ty, tập đoàn lớn có uy tín.

Từ khóa: kinh tế Nhà nước, vai trò của kinh tế Nhà nước.

Abstract

Through descriptive statistical methods, this paper analyzes the economic role of the State in the socialist-oriented market economy in Vietnam. The results of the study showed that the amount of capital invested in this sector rose sharply in the period 2012 - 2013 (over 42%). However, the value of this contributing to GDP is low, the industrial production value increased over time, its proportion is declining steadily. The role of the State sector in the domestic trade is not large, but the restructuring trends are encouraging. Employees working in this sector accounts for only about 10%. Therefore, this study proposes six strategic solutions, focusing on investing in key sectors and areas, equitizating of state-owned enterprises and establishing large corporations.

Keywords: State economy, the economic role of the State.

1. Đặt vấn đề

Đảng ta chủ trương phát triển và nâng cao hiệu quả của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Tính chất nhiều thành phần kinh tế là nét đặc trưng có tính quy luật của nền kinh tế quá độ lên CNXH ở nước ta. Các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quá độ luôn luôn vận động, phát triển trong mối quan hệ, tác động qua lại, đan xen trong cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, trên cơ sở vừa hợp tác, bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và bình đẳng trước pháp luật. Trong quá trình vận động, phát triển, các thành phần kinh tế phải được cải biến dựa vào những tiền đề khách quan.: thứ nhất, xuất phát từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội và yêu cầu xã hội hoá sản xuất trên thực tế; thứ hai, xuất phát từ đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề mà xác định tỷ trọng, quy mô, cơ cấu các thành phần kinh tế cho phù hợp; thứ ba, xuất phát từ khả năng tổ chức và quản lý kinh tế của Nhà nước XHCN và đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế. Vấn đề không phải là xoá bỏ hay ưu tiên thành phần kinh tế này hay thành phần kinh tế khác, mà điều quan trọng là phải nắm vững bản chất của từng thành phần và sử dụng chúng đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Mỗi thành phần kinh tế có bản chất và những quy luật kinh tế hoạt động riêng, dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất, và có khả năng tái sản xuất một cách tương đối độc lập lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tương ứng. Khả năng tái sản xuất là điều kiện tồn tại và vận động của mỗi thành phần kinh tế. Chính xu hướng mở rộng hay thu hẹp khả năng tái sản xuất chỉ rõ vai trò và triển vọng của mỗi thành phần kinh tế trong nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, các thành phần kinh tế không tồn tại một cách biệt lập, mà có mối quan

[1] *Tiến sĩ, Giảng viên Trường Đại học Trà Vinh*
[2] *Thạc sĩ, Giảng viên Trường Đại học Ngoại thương, CS 2 tại Tp.HCM*

hệ và tác động qua lại, đan xen. Để đảm bảo nền kinh tế phát triển theo định hướng XHCN, trong quá trình vận động vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác, thành phần kinh tế Nhà nước phải tự vươn lên, làm sao để cùng với kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng cho chế độ XHCN.

2. Cơ sở lý thuyết và vai trò của kinh tế Nhà nước

2.1. Khái niệm

Kinh tế Nhà nước là thuật ngữ bao hàm nội dung khá rộng, được xác định theo ý nghĩa khác nhau tùy theo góc độ nghiên cứu. Theo nghĩa chung nhất, kinh tế Nhà nước bao gồm tất cả các tài sản do Nhà nước làm chủ sở hữu (Vũ Đình Bách 2001). Khu vực này đang nắm giữ các doanh nghiệp Nhà nước trong các ngành sản xuất quan trọng như năng lượng, nhiên liệu, xi măng, thép, hóa chất, vận tải đường sắt, đường không, ngoại thương, một phần nội thương, ngân hàng, tài chính, dự trữ quốc gia và nhiều tài nguyên đất nước đang giữ vai trò chi phối nền kinh tế quốc dân (Văn kiện hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII)

2.2. Vai trò của kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế

2.2.1. Vai trò của Nhà nước

Theo quan điểm của trường phái Tân cổ điển, nhà nước chỉ tập trung vào các chức năng chính như: (i) duy trì ổn định chính trị, (ii) tạo môi trường pháp luật ổn định và chính sách thuế khóa hợp lý, khuyến khích tiêu dùng, (iii) sử dụng hợp lý ngân sách quốc gia, hướng chi tiêu ngân sách cho mục tiêu phát triển kinh tế như đào tạo nhân lực, nghiên cứu cơ bản để đổi mới công nghệ, hỗ trợ cho những ngành sản xuất có triển vọng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới… Ngoài những chức năng cơ bản đó, nhà nước không nên can thiệp gì thêm, hãy để cho giới kinh doanh và người tiêu dùng quyết định những vấn đề còn lại của thị trường.

Quan điểm của Keynes và trường phái Keynes lại đề cao vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế, cụ thể Keynes khuyến khích sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào kinh tế thông qua những chương trình, công cụ như chính sách tài chính, tiền tệ, kích thích và duy trì tốc độ gia tăng ổn định của tổng cầu.

Quan điểm của chủ nghĩa tự do mới gồm quan điểm của ba phái cơ bản là Trọng tiền, Trọng cung, và Kinh tế vĩ mô mong đợi hợp lý. Phái Trọng tiền (còn gọi là phái Chicago) đã cổ vũ cho một nền kinh tế không có sự can thiệp của chính phủ. Một số đại biểu khác cho rằng nhà nước nên điều tiết nền kinh tế theo những quy tắc có tính chuẩn mực và cần xác lập một hệ thống nguyên tắc của chính sách mang tính khách quan và độc lập, trong đó chú trọng đến chính sách tiền tệ. Phái Trọng cung khuyến cáo nên giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước bằng cách giảm thuế và bãi bỏ các quy định cản trở đến sức cung. Đối với phái Kinh tế vĩ mô mong đợi hợp lý cho rằng chính sách kinh tế của Nhà nước chỉ có hiệu quả nhất định đối với mức sản lượng và việc làm khi sự điều chỉnh này gây ra sự bất ngờ đối với dân chúng, nhưng hiệu quả chỉ mang tính nhất thời. Trường phái này cho rằng nên giảm thiểu sự can thiệp của Nhà nước vào kinh tế.

Theo khuynh hướng của chủ nghĩa tự do mới ở Đức, gọi là chủ nghĩa thị trường xã hội,nền kinh tế đòi hỏi Nhà nước phải mạnh, song chỉ can thiệp với mức độ và tốc độ cần thiết và phải dựa trên hai nguyên tắc hỗ trợ và tương hợp. Cụ thể Nhà nước phải đề ra những chính sách kinh tế tích cực, phải bảo vệ sở hữu tư nhân, tôn trọng nhưng kiểm soát được cạnh tranh. Mặt khác, Nhà nước phải làm cho nền kinh tế thị trường ngày càng mang tính xã hội, làm dịu mâu thuẫn xã hội thông qua phân phối lại thu nhập quốc dân.

2.2.2. Vai trò của kinh tế Nhà nước

Vai trò của kinh tế Nhà nước đã có những thay đổi trong quan niệm của Đảng. Từ Đại hội VI (12/1986) với vai trò chủ đạo của kinh tế quốc dân, khu vực kinh tế Nhà nước được xác định chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông. Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3/1989) vẫn đặt kinh tế quốc doanh vào vị trí chủ đạo, nhưng không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành, nghề. Cương lĩnh 1991 chỉ nêu gọn kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Chiến lược 1991 đề cập rõ hơn kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu và đảm đương những hoạt động mà các thành phần khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh... Những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh thì Nhà nước chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể, đồng thời có chính sách giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động. Quan điểm này một mặt tạo tiền đề cho sự phát triển khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, nhất là kinh tế tư nhân; mặt khác, không

coi vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh là điều mặc nhiên mà phải gắn với việc sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò chủ đạo và chức năng của một công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Các xí nghiệp quốc doanh hoạt động theo nguyên tắc tự chủ kinh doanh, tự trang trải và tích luỹ trong môi trường hợp tác, cạnh tranh; Nhà nước chỉ tài trợ có thời hạn cho một số cơ sở thật sự cần thiết.

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng CSVN khoá IX về các Văn kiện Đại hội X của Đảng CSVN cho rằng phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Trong bản trình bày của Đoàn Chủ tịch về ý kiến thảo luận của các đại biểu đối với các văn kiện Đại hội X của Đảng CSVN có giải thích về vai trò chủ đạo của nền kinh tế Nhà nước. Vai trò chủ đạo của nền kinh tế Nhà nước không phải thể hiện ở số lượng doanh nghiệp nhiều hay ít, tỉ trọng đóng góp GDP cao hay thấp mà ở chỗ, đó là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng CSVN khóa IX ngày ngày 10 tháng 4 năm 2006 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010 (gọi là Báo cáo Phát triển Kinh tế - Xã hội), cụm từ "vai trò chủ đạo" xuất hiện một lần duy nhất trong vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương". Nghị quyết số 21-NQ/T.Ư Hội nghị lần thứ 6 BCHTW Đảng CSVN khóa X "Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" đã nhiều lần nhắc lại vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước. Cho đến nay, dường như khi nhấn mạnh đến vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước, nhiều người nghĩ ngay đến việc duy trì lực lượng doanh nghiệp Nhà nước, thậm chí nó phải độc quyền, nên đã vô hình trung đi ngược bản chất của thị trường.

3. Thực trạng phát triển kinh tế Nhà nước

3.1. Vốn đầu tư

Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư của thành phần kinh tế Nhà nước tăng đều qua các năm, từ giai đoạn 1995 – 2013. Từ 1995 – 2003 vốn đầu tư của thành phần kinh tế này tăng cao, chênh lệch lớn với lượng vốn đầu tư của hai thành phần kinh tế còn lại là kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, sau 2003 trở đi đến nay, vốn đầu tư của thành phần kinh tế vẫn tăng nhưng mức độ tăng chậm hơn so với thành phần kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Đặc biệt năm 2007, 2008 vốn đầu tư của kinh tế Nhà nước chỉ đạt 197.989 tỷ đồng và 209.031 tỷ đồng (tăng 11.042 tỷ đồng), trong khi đó kinh tế ngoài Nhà nước tăng mạnh từ 204.705 tỷ đồng đến 217.034 tỷ đồng (tăng 12.329 tỷ đồng), riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn tăng từ 129.399 tỷ đồng lên 190.670 tỷ đồng và có dấu hiệu giảm nhẹ trong năm 2009. Điều này cho thấy khủng hoảng tài chính năm 2007 tác động chủ yếu đến khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và ảnh hưởng đến khu vực kinh tế Nhà nước mạnh hơn so với khu vực ngoài Nhà nước. Song với sự định hướng đúng đắn của Nhà nước, thành phần kinh tế Nhà nước ngày càng thể hiện vai trò chủ đạo của mình, cụ thể từ 2012 – 2013 lượng vốn đầu tư vào khu vực này tăng mạnh, từ 406.514 tỷ đồng lên 440.505 tỷ đồng (tăng 33.991 tỷ đồng) cao hơn 8.486 tỷ đồng so với mức tăng vốn của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và hơn 12.465 tỷ đồng so với mức tăng vốn của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Hình 1: Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: tỷ đồng

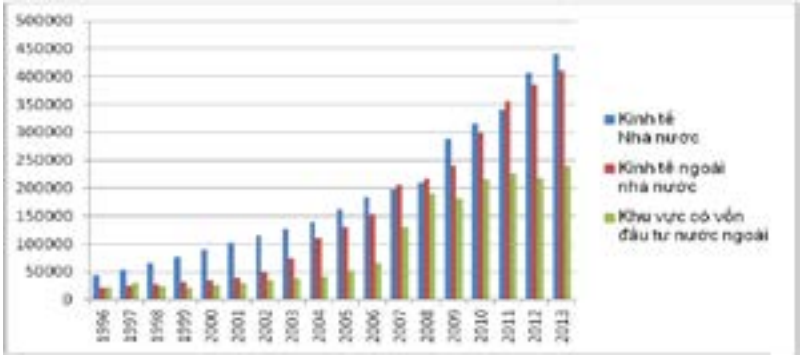

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

Ngoài ra, xét về cơ cấu trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, kinh tế Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng cao và liên tục tăng trong thời gian từ 1995 – 2006 và chững lại so với khu vực ngoài Nhà nước trong hai năm 2007, 2008. Từ biểu đồ 2.1, ta thấy tỷ trọng vốn đầu tư của kinh tế Nhà nước chiếm trên 42%, thậm chí trên 50% trong giai đoạn từ 2006 về trước và trên 40% từ 2012 trở đi. Điều này cho thấy khu vực này đang được chú trọng đầu tư để dần khẳng định được vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế quốc dân.

Hình 2: Cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: %

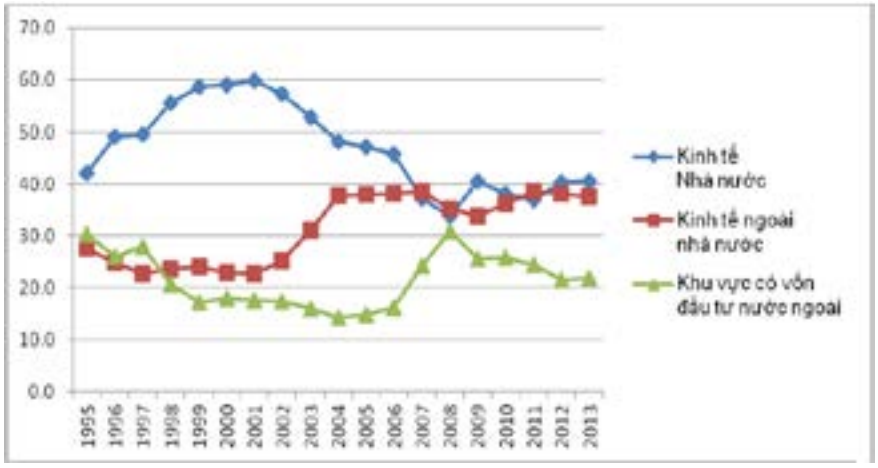

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

3.2. Đóng góp vào GDP

Bảng 1: Tổng sản phẩm trong nước giá thực tế phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: tỷ đồng

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
TỔNG SỐ	**914001**	**1061565**	**1246769**	**1616047**	**1809149**	**2157828**	**2779880**	**3245419**	**3584262**
Kinh tế Nhà nước	343883	389533	440687	566812	628074	722010	908459	1056944	1154132
Kinh tế ngoài Nhà nước	431548	501432	594617	767632	867810	1054075	1369776	1601486	1729435
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	138570	170600	211465	281604	313265	381743	501645	586989	700695

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

Số liệu thống kê cho thấy giá trị đóng góp vào GDP của kinh tế Nhà nước chưa tương xứng với nguồn lực mà nó sử dụng. Nguồn lực vốn sử dụng nhiều, gia tăng theo thời gian nhưng cơ cấu giá trị đóng góp vào GDP lại thấp hơn so với hai khu vực còn lại. Hơn nữa, tỷ trọng đóng góp lại giảm dần theo thời gian chứng tỏ hiệu quả sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước cần phải được chú trọng hơn nữa trong thời gian tới. Cụ thể, năm 2013, tỷ trọng đóng góp của khu vực này chỉ còn 32,2% trong khi khu vực ngoài Nhà nước đạt đến 48,25%.

Hình 3: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: %

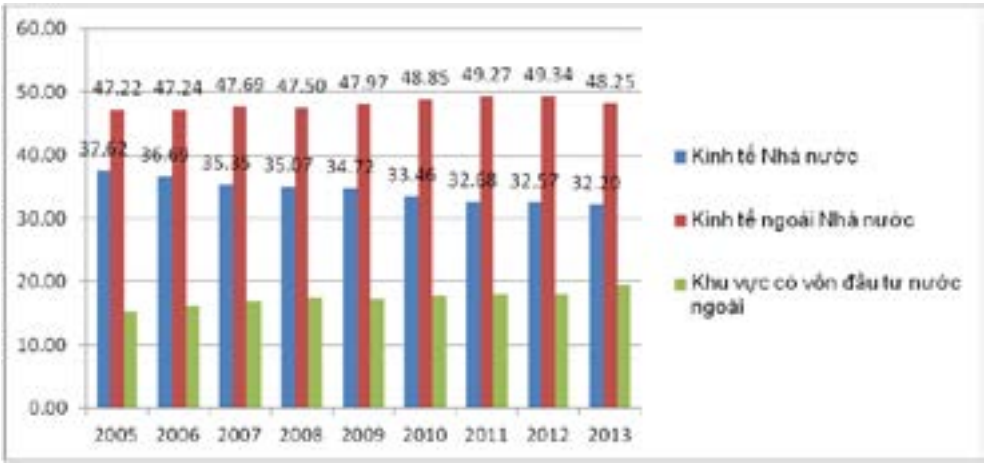

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

3.3. Về giá trị sản xuất công nghiệp

Bảng 2: Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: tỷ đồng

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
TỔNG SỐ	**988540.0**	**1199139.5**	**1466480.1**	**1903128.1**	**2298086.6**	**2963499.7**	**3695091.9**	**4506757.0**	**5469110.3**
Kinh tế Nhà nước	***246334.0***	**265117.9**	**291041.5**	**345278.3**	**420956.8**	**567108.0**	649272.3	763118.1	891668.4
Trung ương	189275.9	207964.0	232495.7	286593.7	352573.5	497407.4	576755.8	686330.2	810768.8
Địa phương	57058.1	57153.9	58545.8	58684.6	68383.3	69700.6	72516.5	76787.9	80899.6
Kinh tế ngoài Nhà nước	***309087.6***	**401869.6**	**520073.5**	**709903.3**	**885517.2**	**1150867.3**	**1398720.2**	**1616178.3**	**1834887.8**
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	***433118.4***	**532152.0**	**655365.1**	**847946.5**	**991612.6**	**1245524.4**	**1647099.4**	**2127460.6**	**2742554.1**

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bảng 2 cho thấy giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế Nhà nước liên tục tăng theo thời gian, nhưng tỷ trọng ngày càng giảm dần. Tuy nhiên, giá trị sản xuất công nghiệp mà khu vực này tạo ra so với mức nguồn lực mà nó sử dụng được vẫn chưa tương xứng, chứng tỏ hoạt động sản xuất công nghiệp trong khu vực này vẫn chưa đạt hiệu quả.

Hình 4: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: %

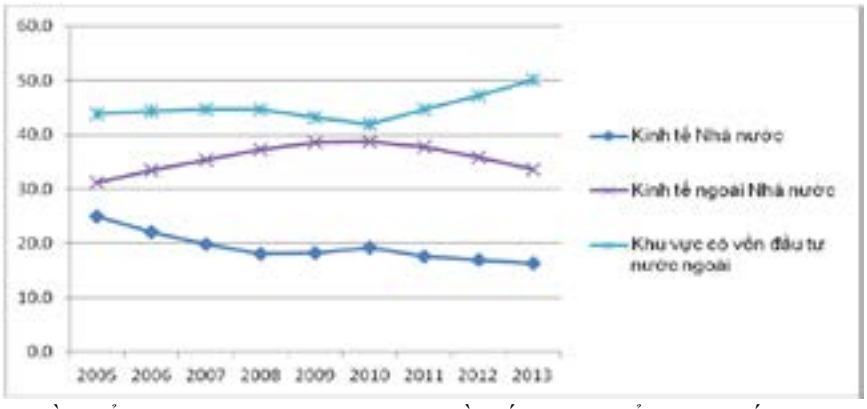

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

3.4. Thương mại, dịch vụ

Hình 5: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: tỷ đồng

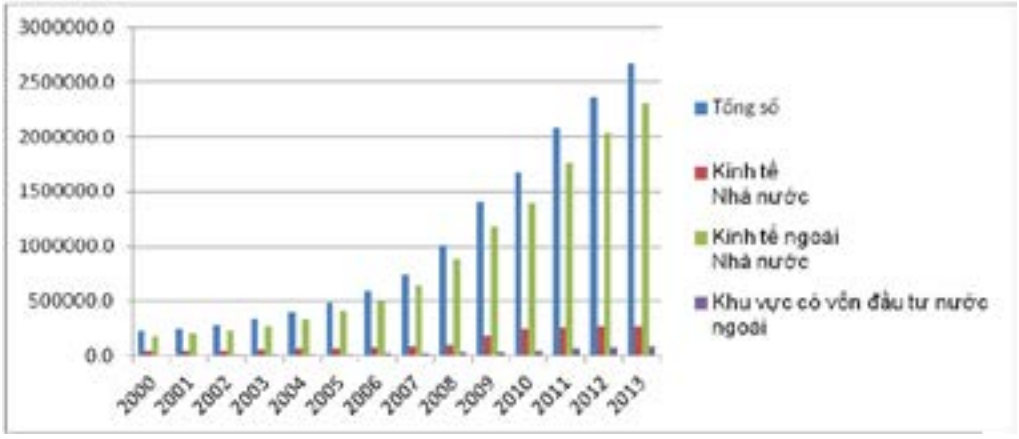

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế năm 2013 ước đạt hơn 2.668 ngàn tỷ đồng, tăng 11,23% so với năm 2012; trong đó kinh tế Nhà nước chiếm 10,2% tăng 1,29%, kinh tế ngoài Nhà nước chiếm 86,7%, tăng 12,15% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 3,1% lại tăng 17,94%. Điều này cho thấy vai trò của khu vực kinh tế Nhà nước trong thương mại nội địa không lớn và theo xu hướng tái cơ cấu rất đáng khích lệ.

3.5. Về việc làm

Hình 6: Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại thời điểm 1/7 hàng năm phân theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: ngàn người

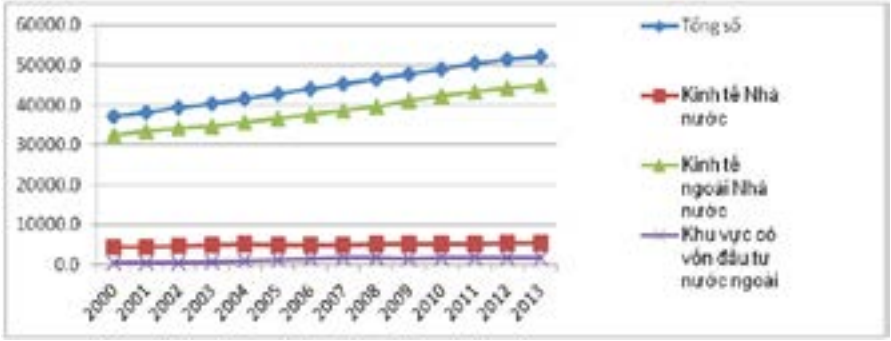

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê (2014)

Kết quả hoạt động tạo việc làm là một chỉ số quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của các khu vực kinh tế. Theo số liệu thống kê cho thấy, trên 80% lao động trên 15 tuổi làm việc cho khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, kinh tế Nhà nước chỉ chiếm trung bình khoảng 10%. Ngoài ra, tổng số lao động làm việc tại các khu vực trong nền kinh tế năm 2013 đạt 52.207,8 ngàn người, tăng 785,4 ngàn người. Trong đó, kinh tế Nhà nước đạt 5.330,4 ngàn người, giảm 23,3 ngàn người, song lao động trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước năm 2013 đạt đến 45.091,7 ngàn người, tăng 726,3 ngàn người.

4. Một số gợi ý

Để thành phần kinh tế Nhà nước có thể thực hiện vai trò chủ đạo, chi phối hoạt động của các thành phần kinh tế khác, cần áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó cần chú trọng một số biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là, tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế Nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu; những cơ sở sản xuất thương mại, dịch vụ quan trọng; một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng, an ninh… Nhà nước chỉ nên nắm một số không nhiều "những đài chỉ huy" trong nền kinh tế, tức là những vị trí kinh tế then chốt, yết hầu, thông qua đó mà điều tiết, chi phối, hướng dẫn hoạt động của các thành phần kinh tế khác, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển theo định hướng XHCN.

Hai là, giải quyết tốt mối quan hệ giữa quyền sở hữu và sử dụng tư liệu sản xuất của toàn dân bằng cách lựa chọn các hình thức kinh tế phù hợp.

Ba là, đổi mới, dẫn đầu trong việc ứng dụng khoa học – công nghệ hiện đại và phát huy ưu thế về kỹ thuật tiến bộ nhất; liên kết, liên doanh với các thành phần kinh tế khác nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả kinh tế – xã hội.

Bốn là, thực hiện từng bước vững chắc việc cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước, trong đó cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước là cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt. Để được cổ phần chi phối, Nhà nước phải nắm trên nửa số cổ phần của doanh nghiệp, hoặc cổ phần của Nhà nước ít nhất cũng phải gấp đôi số cổ phần của cổ đông lớn nhất khác trong doanh nghiệp. Cổ phần đặc biệt là cổ phần có quyền quyết định một số vấn đề quan trọng của doanh nghiệp theo thoả thuận trong Điều lệ Doanh nghiệp. Để thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp, Nhà nước có thể bán cổ phần cho cán bộ, công nhân viên chức trong doanh nghiệp; có thể vừa bán cho lao động trong doanh nghiệp vừa bán cho tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp; cũng có thể giữ nguyên tài sản của Nhà nước, chỉ phát hành một số cổ phiếu để tăng vốn cho cơ sở sản xuất đã có hay cho phân xưởng mới thành lập; hoặc cũng có thể gọi cổ phần ngay từ đầu khi mới thành lập.

Năm là, tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước cho phù hợp với yêu cầu sản xuất – kinh doanh trong điều kiện mới. Phương hướng chủ yếu hiện nay là thành lập một số tổng công ty, tập đoàn kinh doanh lớn có uy tín, có tầm vóc quốc gia và quốc tế, tạo thế và lực để phát triển, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong quan hệ kinh tế với nước ngoài. Đối với những doanh nghiệp xét thấy không cần thiết hoặc thua lỗ kéo dài, không có khả năng vươn lên, thì chuyển sang hình thức sở hữu khác, cho thuê, bán khoán hoặc giải thể. Ở đây, cần chống hai khuynh hướng sai lầm: hoặc coi nhẹ doanh nghiệp Nhà nước, muốn tư nhân hoá tràn lan; hoặc bảo thủ, muốn duy trì toàn bộ doanh nghiệp Nhà nước, không muốn tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới.

Sáu là, để nâng cao tính hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp Nhà nước xứng đáng là bộ khung trong hệ thống các doanh nghiệp của toàn bộ nền kinh tế, cần phải nâng cao tính hạch toán, tính chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của giám đốc và tập thể người lao động.

5. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu sẵn có của Tổng cục Thống kê, nếu có thể tiếp cận được các số liệu điều tra cụ thể các thông tin chi tiết về kinh tế Nhà nước thì bức tranh về vai trò của khu vực này trong nền kinh tế sẽ bao quát và chi tiết hơn. Nghiên cứu sâu hơn với cơ sở dữ liệu toàn diện hơn sẽ khắc phục hạn chế này.

Tài liệu tham khảo

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được thông qua tại Đại hội VII năm 1991.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội 1991-2000, được thông qua tại Đại hội VII năm 1991

Đảng Cộng sản Việt Nam. 2007. *Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập, tập 51*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

Nguyễn, Văn Hậu. 2007. "Vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường", *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 8, trang 76 – 80.

Paul A. Samuelson & W.D. Nordhaus. *Kinh tế học*. Viện Quan hệ quốc tế, H.1989, T.1, trang 63, T.2, trang 521.

Phạm, Văn Dũng. 2011. "Các thành phần kinh tế: nhận thức lý luận và thực tiễn Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, số 27, trang 1-10.

Tổng cục thống kê. *Số liệu thống kê,* xem ngày 17/10/2014, <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>.

Trần, Du Lịch. Nhận thức về vai trò Nhà nước và Kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế thị trường của nước ta, xem ngày 20/7/2016 <http:www.thesaigontimes.vn/Uploads/Articles/.../0746c_**Tran-Du-Lich**.doc>.

Vũ, Đình Bách. 2001. *Đổi mới, tăng cường thành phần kinh tế Nhà nước: lý luận, chính sách và giải pháp*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.